

Số: /BC-SNNMT

Tuyên Quang, ngày tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu các ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Văn bản 3058/UBND-KTN ngày 03/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030; gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Văn bản số 3432/SNNMT-VPĐP ngày 27/5/2026.

Ngày 03/6/2026, Sở Tư pháp đã có Báo cáo số 359/BC-STP về Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030.

Sau khi nghiên cứu, rà soát các quy định pháp luật hiện hành có liên quan và căn cứ tình hình, điều kiện thực tế của địa phương; Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (*chi tiết nội dung giải trình tiếp thu, chỉnh sửa tại Bảng tổng hợp kèm theo*).

Sở Nông nghiệp và Môi trường trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở;
- VPĐP NTM;
- Lưu: VT, VPĐP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Tấn Sơn

BẢNG TỔNG HỢP

Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 359/BC-STP ngày 03/6/2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNNMT ngày /6/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	NỘI DUNG Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	Ý KIẾN GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
1	Phạm vi điều chỉnh Điều 1 dự thảo Nghị quyết, đề nghị chỉnh sửa cụm từ “ <i>vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương</i> ” thành “ <i>vốn ngân sách nhà nước</i> ” cho phù hợp với nội dung được giao tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 257/2025/QH15, điểm c khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, điểm a khoản 5 Điều 9 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg và thống nhất với tên dự thảo Nghị quyết.	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu và đã chỉnh sửa theo ý kiến của Sở Tư pháp tại hồ sơ dự thảo nghị quyết
2	Căn cứ pháp lý - Bỏ căn cứ thứ 3 vì không phải văn bản quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản và không quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản cho phù hợp với quy định tại Điều 62 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. - Đoạn cuối phần căn cứ ban hành, bỏ từ “ <i>tỉnh Tuyên Quang</i> ” tại cụm từ “ <i>Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Nghị quyết...</i> ” cho đúng Mẫu số 17 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu và đã chỉnh sửa theo ý kiến của Sở Tư pháp tại hồ sơ dự thảo nghị quyết
3	Điều 3 , đề nghị: a) Khoản 4 , bỏ cụm từ “ <i>của Thủ tướng Chính phủ</i> ” cho đúng kỹ thuật viện dẫn quy định tại khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	a) Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu và đã chỉnh sửa theo ý kiến của Sở Tư pháp tại hồ sơ dự thảo nghị quyết.

	<p>b) Nghiên cứu, bổ sung nguyên tắc mang tính định hướng cho việc phân bổ vốn bảo đảm cân đối, hợp lý, thực hiện đầy đủ 02 hợp phần của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 được phê duyệt kèm theo Quyết định số 417/QĐ-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Đồng thời, quy định nguyên tắc ưu tiên phân bổ vốn cho các nội dung, thành phần cấp thiết, gắn với mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và nội dung định hướng tại điểm 1.2 khoản 1 Thông báo số 91/TB-UBND ngày 05/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh kết luận cuộc họp về Chương trình mục tiêu quốc gia; các công trình, dự án trọng điểm và công tác chuẩn bị đầu tư: “<i>Đối với công tác chuẩn bị cho giai đoạn 2026-2030: ...Việc lựa chọn lĩnh vực, nhiệm vụ đầu tư cần trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, ưu tiên theo thứ tự: (1) Hạ tầng giao thông; (2) Hạ tầng điện, nước; (3) Y tế, giáo dục và phòng, chống ma túy, bảo đảm hiệu quả, tạo giá trị và dấu ấn rõ nét trong triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn</i>”.</p>	<p>b) Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu và chỉnh sửa, như sau: “Điều 3. Nguyên tắc phân bổ 1. Việc phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình phải tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan. 2. <u>Thực hiện phân bổ vốn theo nguyên tắc đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm và bền vững; ưu tiên bố trí vốn cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn an toàn khu, khu vực biên giới nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững. Việc phân bổ vốn phải bảo đảm cân đối, hợp lý giữa các hợp phần của Chương trình; phù hợp với điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển của từng địa phương và mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đồng thời phát huy tính chủ động, trách nhiệm của chính quyền địa phương trong quản lý, sử dụng nguồn vốn được giao.</u> 3. Bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn. 4. Việc phân bổ vốn phải bảo đảm không trùng lặp giữa các nội dung thuộc 02 hợp phần của Chương trình và với nội dung hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án khác thực hiện trên cùng địa bàn; đồng thời phù hợp với tổ chức hành chính hai cấp (tỉnh - xã). 5. Ngân sách địa phương bảo đảm bố trí đủ vốn đối ứng thực hiện Chương trình theo quy định tại Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg.”</p>
4	<p>Khoản 1 và khoản 2 Điều 4 (quy định về tiêu chí, hệ số phân bổ) - Điểm 2.1 quy định: “<i>Ưu tiên hỗ trợ xã an toàn khu, xã biên</i></p>	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường giải trình như sau: Theo quy định tại điểm a khoản 5 điều 9 của Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg: “<i>Căn cứ điều kiện thực tế, nghiên cứu, xây</i></p>

giới là xã khu vực III: Hệ số 5 ”.

Theo quy định nêu trên thì chỉ ưu tiên hỗ trợ xã an toàn khu, xã biên giới là xã khu vực III, tuy nhiên tại khoản 2 Điều 3 quy định nguyên tắc phân bổ vốn: “Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; tập trung ưu tiên phân bổ ngân sách trung ương ở mức cao nhất cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới.” (bao gồm xã an toàn khu, biên giới không phải là xã khu vực III). Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét, quy định cho phù hợp, thống nhất.

- **Điểm 2.2** quy định tiêu chí “Ưu tiên hỗ trợ các xã mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030”, tuy nhiên trong khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết quy định: “tập trung ưu tiên phân bổ ngân sách trung ương ở mức cao nhất cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới”, **không quy định ưu tiên phân bổ vốn cho xã mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030**. Đề nghị nghiên cứu, xem xét, quy định cho phù hợp, thống nhất.

dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định”. Như vậy, các địa phương có thể tùy theo điều kiện, tình hình thực tế của tỉnh để ban hành cơ chế cho phù hợp.

Tại điểm b khoản 1 Điều 4 của dự thảo nghị quyết đã quy định Tiêu chí, hệ số cho đối tượng “Xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã An toàn khu, xã biên giới: Hệ số 50” là hệ số cao nhất trong các đối tượng. Tỉnh Tuyên Quang có 05/24 xã an toàn khu thuộc khu vực III; 17/17 xã biên giới thuộc khu vực III. Đây đều là những xã điều kiện kinh tế - xã hội hiện còn rất khó khăn (điều kiện tự nhiên khắc nghiệt; cơ sở hạ tầng còn thiếu thốn, chưa đồng bộ; tỉ lệ hộ nghèo, cận nghèo cao; đa số là đồng bào dân tộc thiểu số; ...).

Đồng thời, để hoàn thành các mục tiêu về xã đạt chuẩn NTM của giai đoạn 2026-2030 theo kế hoạch phát triển KTXH của tỉnh; cần phải có quy định ưu tiên hỗ trợ đối với nhóm xã mục tiêu đạt chuẩn NTM trong giai đoạn 2026-2030. Và mục tiêu của việc ưu tiên chính là “ưu tiên bố trí vốn cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn an toàn khu, khu vực biên giới nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.”

Trên thực tế, theo tính toán như mức quy định tại dự thảo nghị quyết, xã khu vực III ở nhóm hệ số từ 61-115, xã ATK ở nhóm hệ số từ 55-82, xã biên giới ở nhóm hệ số 66-114 cao hơn so với xã còn lại (nhóm hệ số từ 35-60, trong đó chỉ có 06 xã thuộc nhóm hệ số 56-60). Đồng thời, nếu là xã mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới mà không thuộc xã khu vực III hoặc xã ATK hoặc xã biên giới thì hệ số phân bổ vốn chỉ từ 35-60, thấp hơn nhiều so với các xã còn lại.

5	<p>Qua nghiên cứu hồ sơ dự thảo Nghị quyết, Sở Tư pháp nhận thấy Sở Tài chính có Văn bản số 3695/STC-NS ngày 18/5/2026 về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030.</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu quy định các tiêu chí hoặc nguyên tắc cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, vừa bảo đảm thuận lợi cho việc triển khai thực hiện, vừa công khai, minh bạch, gắn với mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và nội dung định hướng của tỉnh; đối với nội dung chưa tiếp thu hết thì giải trình, làm rõ lý do, để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.</p>	<p>Trên cơ sở ý kiến tham gia của Sở Tài chính tại Văn bản số 3695/STC-NS ngày 18/5/2026; Sở Nông nghiệp và Môi trường đã nghiên cứu, tiếp thu, rà soát và hoàn thiện dự thảo nghị quyết và đã gửi xin ý kiến Sở Tài chính lần 2 tại Văn bản số 3658/SNNMT-VPĐP ngày 04/6/2026. Sở Nông nghiệp và Môi trường giải trình, làm rõ một số nội dung liên quan đến phương án xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn như sau:</p> <p>1. Phương án quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thông nhất cho Chương trình</p> <p><i>a) Ưu điểm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành của Trung ương, gồm: Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội; Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Thể hiện đầy đủ tinh thần phân cấp, phân quyền cho địa phương theo nguyên tắc “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”, tạo điều kiện cho các xã chủ động xác định nhu cầu, lựa chọn nội dung ưu tiên phù hợp với thực tiễn. - Trong giai đoạn 2026-2030, trên địa bàn tỉnh triển khai đồng thời 05 Chương trình mục tiêu quốc gia. Việc phân bổ vốn trên cơ sở nhu cầu thực tế và kết quả rà soát của địa phương sẽ hạn chế chồng chéo, trùng lặp nội dung hỗ trợ giữa các chương trình. - Tăng tính linh hoạt trong quá trình tổ chức thực hiện, đáp ứng yêu cầu phát triển của từng địa bàn, từng thời điểm. <p><i>b) Hạn chế</i></p> <p>Cơ quan chủ trì Chương trình phải thực hiện rà soát, tổng hợp nhu cầu từ các xã, phường và tham mưu phương án phân bổ vốn hằng năm bảo đảm sát thực tế.</p> <p>2. Phương án quy định chi tiết tiêu chí, định mức phân bổ</p>
---	---	--

cho từng hợp phần, nội dung thành phần

a) *Ưu điểm:* Các địa phương có căn cứ cụ thể để phân bổ kinh phí cho từng nội dung theo định mức được quy định.

b) *Hạn chế*

- Hiện không có quy định của Trung ương yêu cầu hoặc hướng dẫn việc xây dựng tiêu chí, định mức phân bổ chi tiết đến từng nội dung thành phần của các Chương trình mục tiêu quốc gia; nên không có căn cứ pháp lý để đề xuất..

- Điều kiện kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng, nhu cầu đầu tư giữa các xã, phường rất khác nhau; việc quy định cứng định mức cho từng nội dung sẽ khó bảo đảm phù hợp với từng địa phương.

- Trong quá trình thực hiện phát sinh nhu cầu điều chỉnh giữa các nội dung thành phần. Nếu định mức được quy định cụ thể trong Nghị quyết của HĐND tỉnh thì việc điều chỉnh sẽ phải trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và làm giảm tính chủ động của cấp cơ sở.

- Chưa phù hợp với chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương trong tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Kết quả tham khảo từ các địa phương khác

Qua tham khảo, nghiên cứu nghị quyết đã ban hành của tỉnh Lâm Đồng và dự thảo nghị quyết của các tỉnh Thái Nguyên, Sơn La, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Lai Châu cho thấy các địa phương đều lựa chọn phương án quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thống nhất cho Chương trình; không quy định chi tiết định mức cho từng hợp phần hoặc nội dung thành phần.

Sở Tài chính đã có ý kiến tham gia tại Văn bản số 4445/STC-NS ngày 09/6/2026; Sở Nông nghiệp và Môi trường đã giải trình, tiếp thu ý kiến tại Bản tổng hợp, tiếp thu ý kiến.

6	<p>Khoản 3 (quy định về phương pháp xác định mức phân bổ) Điểm a quy định: <i>“Hi: Hệ số ưu tiên của xã i, được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này”</i>, đề nghị bổ sung từ <i>“Tổng”</i> vào trước cụm từ <i>“hệ số ưu tiên...”</i>, vì theo quy định tại khoản 2 Điều này thì hệ số ưu tiên cho các xã, gồm: (1) Xã an toàn khu, xã biên giới; (2) Xã mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030. Theo đó, có thể có trường hợp xã i thuộc cả 02 trường hợp ưu tiên thì Hi phải là tổng hệ số ưu tiên của xã i.</p>	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu và đã chỉnh sửa theo ý kiến của Sở Tư pháp tại hồ sơ dự thảo nghị quyết.
7	<p>Khoản 4 quy định: <i>“Căn cứ tổng dự toán, kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình được Thủ tướng Chính phủ giao giai đoạn 2026-2030 và hàng năm; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước của Chương trình; ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định từng nội dung thành phần và phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ chi tiết nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi, danh mục dự án đầu tư công của Chương trình trên địa bàn xã, phòng đảm bảo hoàn thành các mục tiêu của Chương trình trong giai đoạn và hàng năm”</i>.</p> <p>Đề nghị tách khoản 4 thành 02 điểm tương ứng với 02 nội dung (1) Nội dung Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện và (2) Nội dung phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã cho khoa học, dễ hiểu; đồng thời, chỉnh sửa cụm từ <i>“Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước của Chương trình”</i> thành <i>“nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Nghị quyết này”</i> cho chính xác.</p>	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu và đã chỉnh sửa theo ý kiến của Sở Tư pháp tại hồ sơ dự thảo nghị quyết.

8	<p>Khoản 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bỏ điểm a, vì không cần thiết. - Điểm b chuyển thành điểm a và chỉnh sửa cụm từ “<i>Quyết định số 60/QĐ- BDTTG ngày 29/01/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo</i>” thành “<i>Quyết định số 60/QĐ-BDTTG ngày 29 thán 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực i, ii, iii giai đoạn 2026 - 2030</i>” cho đầy đủ, chính xác. - Điểm c chuyển thành điểm b và bỏ cụm từ “<i>ngày 17/11/2025 của Chính phủ</i>” cho đúng kỹ thuật viện dẫn văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. - Điểm d chuyển thành điểm c và chỉnh sửa cụm từ “<i>xã ATK</i>” thành “<i>xã An toàn khu</i>”, cụm từ “<i>do ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang công nhận tại</i>” thành “<i>theo quy định tại</i>” và bổ sung cơ quan ban hành, trích yếu của Quyết định số 1733/QĐ-UBND cho cụ thể, rõ ràng. 	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu và đã chỉnh sửa theo ý kiến của Sở Tư pháp tại hồ sơ dự thảo nghị quyết.
9	<p>Khoản 2 Điều 5, đề nghị chỉnh sửa cụm từ “<i>được quy định tại Nghị quyết</i>” thành “<i>quy định tại Nghị quyết này</i>” cho chính xác.</p>	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu và đã chỉnh sửa theo ý kiến của Sở Tư pháp tại hồ sơ dự thảo nghị quyết.
10	<p>Điều 6, đề nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên Điều, chỉnh sửa thành: “<i>Điều 6. Phân bổ vốn đối ứng của ngân sách địa phương</i>” cho thống nhất với nội dung Điều này. - Khoản 1 và khoản 2: Đề nghị bỏ vì không thuộc nội dung được giao tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 257/2025/QH15, điểm c khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, điểm a khoản 5 Điều 9 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg. Khoản 1 quy định tỷ lệ vốn đối ứng viện dẫn thực hiện theo 	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu và đã chỉnh sửa theo ý kiến của Sở Tư pháp tại hồ sơ dự thảo nghị quyết đối với khoản 2, khoản 3, khoản 4. Đối với khoản 1, Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị giữ nguyên và chỉnh sửa theo ý kiến của Sở Tài chính tại Văn bản số 4445/STC-NS ngày 09/6/2026.

	<p>Điều 7, Điều 8 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg là không cần thiết; khoản 2 quy định “<i>vốn bố trí để thực hiện đầu tư phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN của tỉnh và của xã, phường</i>” (không thuộc Chương trình) không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết.</p> <p>- Khoản 3, khoản 4 chuyển thành khoản 1, khoản 2.</p>	
11	<p>Khoản 2 Điều 8: Đề nghị bổ sung nêu đầy đủ ngày tháng năm ban hành và cơ quan ban hành Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND và Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND.</p>	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu và đã chỉnh sửa theo ý kiến của Sở Tư pháp tại hồ sơ dự thảo nghị quyết.
12	<p>Nơi nhận: Đề nghị sắp xếp lại địa chỉ nơi nhận theo thứ tự địa vị pháp lý từ cao xuống thấp (ví dụ: Nơi nhận là các vụ, cục thuộc Bộ sau nơi nhận ủy ban nhân dân tỉnh).</p>	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu và đã chỉnh sửa theo ý kiến của Sở Tư pháp tại hồ sơ dự thảo nghị quyết.
13	<p>Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày của văn bản: Đề nghị tiếp tục rà soát, chỉnh sửa ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày của dự thảo Nghị quyết cho phù hợp với Chương V Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP; Phụ lục I và Mẫu số 17 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ (như: không cần thiết phải sử dụng từ ngữ viết tắt “DTTS&MN”, “ATK” vì nội dung văn bản ngắn, cụm từ không lặp lại nhiều lần;...).</p>	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu và đã chỉnh sửa theo ý kiến của Sở Tư pháp tại hồ sơ dự thảo nghị quyết.